

KẾ HOẠCH
THU, CHI CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024-2025

Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 8 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 1098/PGDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8 về việc đề xuất mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác của các cơ sở giáo dục công lập năm học 2024-2025;

Trường Mầm non Kim Đồng xây dựng kế hoạch thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025 như sau:

Đơn vị tính: đồng

ST T	Nội dung	Thuyết minh	Mức thu	Số học sinh	Số kỳ thu tiền	Dự trừ kinh phí
	A . PHẦN THU					5.413.584.000
I. Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa						690.840.000
1	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thẻ dực tự chọn, câu lạc bộ	đồng/học sinh/tháng	80.000	150	9	108.000.000
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	đồng/học sinh/tháng	200.000	150	9	270.000.000
3	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ mầm non trong hè	đồng/học sinh/tuần	79.000	90	44	312.840.000
II. Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú						1.728.480.000
4	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	đồng/học sinh/tháng	170.000	312	9	477.360.000
5	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	đồng/học sinh/tháng	330.000	312	9	926.640.000
6	Tiền dịch vụ mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/học sinh/năm	230.000	312	1	71.760.000
7	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng theo NQ 04/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 và NQ 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/03/2021	đồng/học sinh/tháng	90.000	312	9	252.720.000
III. Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh						2.994.264.000
8	Tiền suất ăn sáng	đồng/học sinh/ngày	11.500	312	198	710.424.000
9	Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng/học sinh/ngày	35.000	312	198	2.162.160.000
10	Tiền nước uống	đồng/học sinh/tháng	15.000	312	9	42.120.000
11	Học phẩm	đồng/học sinh/năm	55.000	312	1	17.160.000
12	Học cụ - Học liệu	đồng/học sinh/năm	200.000	312	1	62.400.000
	B . PHẦN CHI					5.407.275.360
1	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thẻ dực tự chọn, câu lạc bộ					108.000.000

ST T	Nội dung	Thuyết minh	Mức thu	Số học sinh	Số kỳ thu tiền	Dự trừ kinh phí
	Chi cho giáo viên (Số thu - thuế và tiền chi trả hợp đồng cho công ty giảng dạy) x 80% x 75%	Phối hợp, hỗ trợ giáo viên dạy năng khiếu giữ và dạy trẻ				19.051.200
	Chi cho bộ phận gián tiếp (Số thu - thuế và tiền chi trả hợp đồng cho công ty giảng dạy) x 80% x 25%	- Hiệu trưởng: thực hiện phân công, tổ chức hoạt động năng khiếu - Phó Hiệu trưởng: sắp xếp lịch học và phòng học năng khiếu - Kế toán: lập sổ thu tiền, thực hiện thu chi, rà soát nguồn thu - Thủ quỹ: tổng hợp danh sách thu - Văn thư: Tổng hợp, rà soát số lượng học sinh học năng khiếu - Bảo vệ: Hỗ trợ sửa chữa nhỏ, bảo quản, bảo dưỡng trang thiết bị điện, nước phục vụ hoạt động				6.350.400
	Chi phí Hợp đồng với công ty giảng dạy					74.088.000
	Chi mua sắm vật tư; đồ dùng dạy học; Hỗ trợ điện, nước; Văn phòng phẩm	Chi thuê mượn trang phục; Chi mua vật tư, công cụ, thuê mượn trang phục biểu diễn lễ, hội,... tổ chức lễ hội cho trẻ				5.000.000
	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị;...					1.350.400
	Chi phí đóng thuế (nếu có)	Số thu x 2%				2.160.000
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ					270.000.000
	Chi cho giáo viên (Số thu - thuế và tiền chi trả hợp đồng cho công ty giảng dạy) x 80% x 75%	Phối hợp, hỗ trợ giáo viên dạy năng khiếu giữ và dạy trẻ				47.628.000
	Chi cho bộ phận gián tiếp (Số thu - thuế và tiền chi trả hợp đồng cho công ty giảng dạy) x 80% x 25%	- Hiệu trưởng: thực hiện phân công, tổ chức hoạt động năng khiếu - Phó Hiệu trưởng: sắp xếp lịch học và phòng học năng khiếu - Kế toán: lập sổ thu tiền, thực hiện thu chi, rà soát nguồn thu - Thủ quỹ: tổng hợp danh sách thu - Văn thư: Tổng hợp, rà soát số lượng học sinh học năng khiếu - Bảo vệ: Hỗ trợ sửa chữa nhỏ, bảo quản, bảo dưỡng trang thiết bị điện, nước phục vụ hoạt động				15.876.000
	Chi phí Hợp đồng với công ty giảng dạy					185.220.000

ST T	Nội dung	Thuyết minh	Mức thu	Số học sinh	Số kỳ thu tiền	Dự trừ kinh phí
	Hỗ trợ điện, nước; Văn phòng phẩm; Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị;...	Chi hỗ trợ sửa chữa nhỏ				15.876.000
	Chi phí đóng thuế (nếu có)	Số thu x 2%				5.400.000
3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trong các ngày nghỉ, không bao gồm các ngày lễ tết, không bao gồm tiền ăn) (Tổ chức nuôi dạy trẻ mầm non trong hè)					312.840.000
	Tiền công lao động hợp đồng + BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN (23,5%)	- Tiền công lao động hợp đồng + Các khoản đóng góp (03 cấp dưỡng + 02 bảo vệ)				178.320.000
	Chi hỗ trợ, báo cáo, kiêm nhiệm	4.250.000đ x 2 tháng				8.500.000
	Tiền công phục vụ hè giáo viên, bộ phận trực tiếp (Số thu - Chi hỗ trợ, kiêm nhiệm - Lương, đóng góp hợp đồng - chi học phẩm - chi vệ sinh - thuế) x 65%	Chi cho giáo viên và các nhân viên trực tiếp thực hiện công tác chăm sóc, nuôi dạy trẻ tại lớp				70.966.480
	Tiền công phục vụ hè cho bộ phận gián tiếp (Số thu - Chi hỗ trợ, kiêm nhiệm - Lương, đóng góp hợp đồng - chi học phẩm - chi vệ sinh - thuế) x 15%	- Hiệu trưởng: thực hiện phân công, tổ chức, giám sát hoạt động nuôi dạy trẻ trong hè - Phó Hiệu trưởng: thực hiện tổ chức, giám sát hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục trong hè - Kế toán: lập sổ thu tiền, thực hiện thu chi, rà soát nguồn thu - Thủ quỹ: tổng hợp danh sách thu - Văn thư: Tổng hợp, rà soát số lượng học sinh trong hè				16.376.880
	Chi mua sắm vật tư; học cụ, học phẩm	30.000đ x 98% x 2 tháng				5.292.000
	Chi mua đồ dùng, vật dụng vệ sinh	30.000đ x 98% x 2 tháng				5.292.000
	Hỗ trợ điện, nước; Văn phòng phẩm					12.000.000
	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị;...					9.835.840
	Chi phí đóng thuế (nếu có)	Số thu x 2%				6.256.800
4	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng					477.360.000
	Tiền công phục vụ ăn sáng cho giáo viên ((Số thu - Thuế TNDN) x 80% - Lương, đóng góp hợp đồng - Hỗ trợ, kiêm nhiệm) x (Số GV/Tổng số CB-GV-NV)	Chi cho giáo viên và các nhân viên trực tiếp thực hiện công tác phục vụ ăn sáng cho trẻ tại lớp				115.568.160
	Chi hỗ trợ, báo cáo, kiêm nhiệm	3.540.000đ x 9 tháng				31.860.000

ST T	Nội dung	Thuyết minh	Mức thu	Số học sinh	Số kỳ thu tiền	Dự trừ kinh phí
	Tiền công phục vụ ăn sáng cho bộ phận gián tiếp ((Số thu - Thuế TNDN) x 80% - Lương, đóng góp hợp đồng - Hỗ trợ, kiêm nhiệm) x (Số CBQL, NV/Tổng số CB-GV-NV)	- Hiệu trưởng: thực hiện phân công, tổ chức, giám sát hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục cho trẻ học bán trú - Phó Hiệu trưởng: thực hiện tổ chức, giám sát hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục - Kế toán: lập sổ thu tiền, thực hiện thu chi, rà soát nguồn thu - Thủ quỹ: tổng hợp danh sách thu - Văn thư: Tổng hợp, rà soát sổ học sinh và điểm danh				27.516.229
	Tiền công lao động hợp đồng + BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN (23,5%)	- Tiền công lao động hợp đồng + Các khoản đóng góp (03 cấp dưỡng + 02 bảo vệ)				138.320.000
	Mua sắm vật tư; đồ dùng dạy học, Chi phí khác					66.300.000
	Chi vật tư văn phòng; Văn phòng phẩm	Mực máy in, máy photocopy, giấy, bút, viết, bìa,...				9.000.000
	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị;...	Chi sửa chữa trang thiết bị điện, nước tại các lớp				64.927.611
	Chi phí đóng thuế (nếu có)	Số thu x 5%				23.868.000
5	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú					926.640.000
	Tiền công phục vụ bán trú cho giáo viên ((Số thu - Thuế TNDN) x 80% - Lương, đóng góp hợp đồng - Hỗ trợ, kiêm nhiệm) x (Số GV/Tổng số CB-GV-NV)	- Chi cho giáo viên thực hiện công tác phục vụ bán trú cho trẻ tại lớp - Giáo viên kiêm nhiệm thủ kho: Theo dõi, kiểm kê, phân phát nguyên vật liệu, đồ dùng bán trú cho các lớp				257.444.400
	Tiền công phục vụ bán trú cho bộ phận gián tiếp ((Số thu - Thuế TNDN) x 80% - Lương, đóng góp hợp đồng - Hỗ trợ, kiêm nhiệm) x (Số CBQL, NV/Tổng số CB-GV-NV)	- Hiệu trưởng: thực hiện phân công, tổ chức, giám sát hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục cho trẻ học bán trú - Phó Hiệu trưởng: thực hiện tổ chức, giám sát hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục - Chi cho giáo viên và các nhân viên trực tiếp thực hiện công tác chăm sóc, nuôi dạy trẻ tại lớp - Kế toán: lập sổ thu tiền, thực hiện thu chi, rà soát nguồn thu - Thủ quỹ: tổng hợp danh sách thu				61.296.286
	Chi hỗ trợ, báo cáo, kiêm nhiệm	4.250.000đ x 9 tháng				38.250.000
	Tiền công lao động hợp đồng + BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN (23,5%)	- Tiền công lao động hợp đồng + Các khoản đóng góp (03 cấp dưỡng + 02 bảo vệ)				172.900.000

ST T	Nội dung	Thuyết minh	Mức thu	Số học sinh	Số kỳ thu tiền	Dự trừ kinh phí
	Mua sắm vật tư; đồ dùng dạy học, chi phí chuyên môn khác					203.177.314
	Chi vật tư văn phòng; Văn phòng phẩm	Mực máy in, máy photocopy, giấy, bút, viết, bìa,...				27.000.000
	Chi mua đồ dùng, vật dụng vệ sinh	30.000đ x 98% x 9 tháng				84.240.000
	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị; Chi phí khác	- Chi sửa chữa trang thiết bị điện, nước tại các lớp, bếp, bộ phận - Mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị, máy móc văn phòng, lớp - Chi sửa chữa nhỏ ở các bộ phận, sân chơi của trẻ - Mua sắm phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin - Thuê mướn				36.000.000
	Chi phí đóng thuế (nếu có)	Số thu x 5%				46.332.000
6	Tiền dịch vụ mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú					71.760.000
	Mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú					68.172.000
	Chi phí đóng thuế (nếu có)	Số thu x 5%				3.588.000
7	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng					252.720.000
	Lương + Đóng góp của nhân viên nuôi dưỡng	04 người x 9 tháng x (6.500.000đ - 2.480.000đ + Mức lương đóng BH x 23,5%)				240.084.000
	Chi phí đóng thuế (nếu có)	Số thu x 5%				12.636.000
8	Tiền suất ăn sáng					696.215.520
	Chi trả tiền thực phẩm ăn sáng; gas					696.215.520
	Chi phí đóng thuế (nếu có)	Số thu x 2%				14.208.480
9	Tiền suất ăn bán trú					2.162.160.000
	Chi trả tiền thực phẩm ăn trưa, xế; gas					2.118.916.800
	Chi phí đóng thuế (nếu có)	Số thu x 2%				43.243.200
10	Tiền nước uống					42.120.000
	Chi trả tiền nước uống					41.698.800
	Chi phí đóng thuế (nếu có)	Số thu x 1%				421.200
11	Tiền học phẩm					17.331.600
	Chi trả tiền học phẩm					17.160.000
	Chi phí đóng thuế (nếu có)	Số thu x 1%				171.600
12	Tiền học cụ, học liệu					63.024.000
	Chi trả tiền học cụ, học liệu					62.400.000
	Chi phí đóng thuế (nếu có)	Số thu x 1%				624.000

Trên đây là kế hoạch thu - chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025 của Trường Mầm non Kim Đồng./.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT Q8;
- PTC-KH Q8;
- Lưu: VT

Ngày 10 tháng 10 năm 2024

Hiệu trưởng



Đặng Cẩm Hương

DỰ TOÁN CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THU CHI TẠI ĐƠN VỊ

(Đính kèm theo công văn số 530/V/SGDĐT - KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

(Đơn vị: đồng)

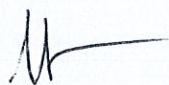
STT	NỘI DUNG	Công thức	NĂM HỌC 2024-2025		GHI CHÚ
			Dự toán	Tỷ lệ (%)	
I	Số học sinh	1=2+3	312	100,00%	
	+ Nhà trẻ	2	28	8,97%	
	+ Mẫu giáo	3	284	91,03%	
II	Dự toán chi đối với hoạt động của trường công lập:				
1	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	số HS	150		
	Mức thu:	4=5/1	80.000		
	Tổng dự toán chi :	5=6+7+8+9	108.000.000	100,00%	
1.1	Chi thanh toán cá nhân:	6	19.051.200	17,64%	
	- Chi cho giáo viên	(Số thu - thuế và tiền chi trả hợp đồng cho công ty giảng dạy) x 80% x 75%	19.051.200	17,64%	
	- Khác (ghi cụ thể từng nội dung)			0,00%	
1.2	Chi cho bộ phận gián tiếp	7	6.350.400	5,88%	
	- Chi ban giám hiệu	(Số thu - thuế và tiền chi trả hợp đồng cho công ty giảng dạy) x 80% x 25% x (hệ số chi CBQL)/Tổng hệ số	3.107.643	2,88%	
	- Chi bộ phận hành chính	(Số thu - thuế và tiền chi trả hợp đồng cho công ty giảng dạy) x 80% x 25% x (hệ số chi NV)/Tổng hệ số	3.242.757	3,00%	
1.3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	8	74.088.000	68,60%	
	- Mua sắm vật tư; đồ dùng dạy học			0,00%	
	- Chi tiền hợp đồng công ty giảng dạy năng khiếu	(Số thu - thuế) x 70%	74.088.000	68,60%	
	- Chi phí khác			0,00%	
1.4	Chi hoạt động	9	8.510.400	7,88%	
	- Tiền điện nước			0,00%	
	- Vật tư văn phòng; Văn phòng phẩm; Thuê mượn trang phục biểu diễn lễ, hội;...		5.000.000	4,63%	
	- Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị		1.350.400	1,25%	
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp (2%)	Số thu x 2%	2.160.000	2,00%	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	số HS	150		
	Mức thu:	10=11/1	200.000		
	Tổng dự toán chi :	11=12+13+14+15	270.000.000	100,00%	
2.1	Chi thanh toán cá nhân:	12	47.628.000	17,64%	
	- Chi cho giáo viên	(Số thu - thuế và tiền chi trả hợp đồng cho công ty giảng dạy) x 80% x 75%	47.628.000	17,64%	
	- Khác (ghi cụ thể từng nội dung)			0,00%	
2.2	Chi cho bộ phận gián tiếp	13	15.876.000	5,88%	
	- Chi ban giám hiệu	(Số thu - thuế và tiền chi trả hợp đồng cho công ty giảng dạy) x 80% x 25% x (hệ số chi CBQL)/Tổng hệ số	7.769.106	2,88%	
	- Chi bộ phận hành chính	(Số thu - thuế và tiền chi trả hợp đồng cho công ty giảng dạy) x 80% x 25% x (hệ số chi NV)/Tổng hệ số	8.106.894	3,00%	
2.3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	14	185.220.000	68,60%	
	- Mua sắm vật tư; đồ dùng dạy học			0,00%	
	- Chi tiền hợp đồng công ty giảng dạy tiếng Anh	(Số thu - thuế) x 70%	185.220.000	68,60%	
	- Chi phí khác			0,00%	

STT	NỘI DUNG	Công thức	NĂM HỌC 2024-2025		GHI CHÚ
			Dự toán	Tỷ lệ (%)	
2.4	Chi hoạt động	15	21.276.000	7,88%	
	- Tiền điện nước			0,00%	
	- Vật tư văn phòng		5.000.000	1,85%	
	- Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị		10.876.000	4,03%	
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp (2%)	Số thu x 2%	5.400.000	2,00%	
3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trong các ngày nghỉ, không bao gồm các ngày lễ tết, không bao gồm tiền ăn) (Tổ chức nuôi dạy trẻ mầm non trong hè)	số HS	90		
	Mức thu:	16=17/số HS	79.000		
	Tổng dự toán chi :	17=18+19+20+21	312.840.000	100,00%	
3.1	Chi thanh toán cá nhân:	18	257.786.480	82,40%	
	- Chi cho giáo viên, bộ phận trực tiếp	(Số thu - Chi hỗ trợ, kiêm nhiệm - Lương, đóng góp hợp đồng - chi học phẩm - chi vệ sinh - thuế) x 65%	70.966.480	22,68%	
	- Chi hỗ trợ, báo cáo, kiêm nhiệm	4.250.000đ x 2 tháng	8.500.000	2,72%	
	- Tiền công lao động hợp đồng + Các khoản đóng góp (03 cấp dưỡng + 02 bảo vệ)	(71.750.000đ + Mức lương đóng BH x 23,5%) x 2 tháng	178.320.000	57,00%	
3.2	Chi cho bộ phận gián tiếp	19	16.376.880	5,23%	
	- Chi ban giám hiệu	(Số thu - Chi hỗ trợ, kiêm nhiệm - Lương, đóng góp hợp đồng - chi học phẩm - chi vệ sinh - thuế) x 15% x (hệ số chi CBQL)/Tổng hệ số	10.510.535	3,36%	
	- Chi bộ phận hành chính	(Số thu - Chi hỗ trợ, kiêm nhiệm - Lương, đóng góp hợp đồng - chi học phẩm - chi vệ sinh - thuế) x 15% x (hệ số chi NV)/Tổng hệ số	5.866.345	1,88%	
3.3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	20	5.292.000	1,69%	
	- Mua sắm vật tư; học cụ, học phẩm		5.292.000	1,69%	
3.4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	21	33.384.640	10,67%	
	- Tiền điện nước		0	0,00%	
	- Vật tư văn phòng		12.000.000	3,84%	
	- Chi mua đồ dùng, vật dụng vệ sinh		5.292.000	1,69%	
	- Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị		9.835.840	3,14%	
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp (2%)	Số thu x 2%	6.256.800	2,00%	
4	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng	số HS	312		
	Mức thu:	22=23/số HS	170.000		
	Tổng dự toán chi :	23=24+25+26+27	477.360.000	100,00%	
4.1	Chi thanh toán cá nhân:	24	285.748.160	59,86%	
	- Chi cho giáo viên	((Số thu - Thuế TNDN) x 80% - Lương, đóng góp hợp đồng - Hỗ trợ, kiêm nhiệm) x (Số GV/Tổng số CB-GV-NV)	115.568.160	24,21%	
	- Chi hỗ trợ, báo cáo, kiêm nhiệm	3.540.000đ x 9 tháng	31.860.000	6,67%	
	- Tiền công lao động hợp đồng + Các khoản đóng góp (03 cấp dưỡng + 02 bảo vệ)	(71.750.000đ + Mức lương đóng BH x 23,5%) x 4 tháng	138.320.000	28,98%	
4.2	Chi cho bộ phận gián tiếp	25	27.516.229	5,76%	
	- Chi ban giám hiệu	((Số thu - Thuế TNDN) x 80% - Lương, đóng góp hợp đồng - Hỗ trợ, kiêm nhiệm) x (Số CBQL/Tổng số CB-GV-NV)	16.509.737	3,46%	
	- Chi bộ phận hành chính	((Số thu - Thuế TNDN) x 80% - Lương, đóng góp hợp đồng - Hỗ trợ, kiêm nhiệm) x (Số NV/Tổng số CB-GV-NV)	11.006.491	2,31%	

STT	NỘI DUNG	Công thức	NĂM HỌC 2024-2025		GHI CHÚ
			Dự toán	Tỷ lệ (%)	
4.3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	26	4.500.000	0,94%	
	- Mua sắm vật tư; đồ dùng dạy học		4.500.000	0,94%	
	- Sách tham khảo cho Giáo viên, học sinh...			0,00%	
	- Chi phí khác			0,00%	
4.4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	27	159.595.611	33,43%	
	- Tiền điện nước		60.000.000	12,57%	
	- Vật tư văn phòng; Văn phòng phẩm		9.000.000	1,89%	
	- Sách, báo, tạp chí thư viện		1.800.000	0,38%	
	- Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị		64.927.611	13,60%	
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp (5%)	Số thu x 5%	23.868.000	5,00%	
5	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	số HS	312		
	Mức thu:	28=29/1	330.000		
	Tổng dự toán chi :	29=30+31+32+33	926.640.000	100,00%	
5.1	Chi thanh toán cá nhân:	30	468.594.400	50,57%	
	- Chi cho giáo viên	((Số thu - Thuế TNDN - Chi vệ sinh) x 80% - Lương, đóng góp hợp đồng - Hỗ trợ, kiêm nhiệm) x (Số GV/Tổng số CB-GV-NV)	257.444.400	27,78%	
	- Chi hỗ trợ, báo cáo, kiêm nhiệm	4.250.000đ x 9 tháng	38.250.000	4,13%	
	- Tiền công lao động hợp đồng + Các khoản đóng góp (03 cấp dưỡng + 02 bảo vệ)	(28.000.000đ + Mức lương đóng BH x 23,5%) x 5 tháng	172.900.000	18,66%	
5.2	Chi cho bộ phận gián tiếp	31	61.296.286	6,61%	
	- Chi ban giám hiệu	((Số thu - Thuế TNDN - Chi vệ sinh) x 80% - Lương, đóng góp hợp đồng - Hỗ trợ, kiêm nhiệm) x (Số CBQL/Tổng số CB-GV-NV)	36.777.771	3,97%	
	- Chi bộ phận hành chính	((Số thu - Thuế TNDN - Chi vệ sinh) x 80% - Lương, đóng góp hợp đồng - Hỗ trợ, kiêm nhiệm) x (Số NV/Tổng số CB-GV-NV)	24.518.514	2,65%	
5.3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	32	187.177.314	20,20%	
	- Mua sắm vật tư; đồ dùng dạy học		18.000.000	1,94%	
	- Sách tham khảo cho Giáo viên, học sinh...			0,00%	
	- Chi phí khác		169.177.314	18,26%	
5.4	Chi hoạt động	33	209.572.000	22,62%	
	- Tiền điện nước		16.000.000	1,73%	
	- Vật tư văn phòng; Văn phòng phẩm		27.000.000	2,91%	
	- Chi mua đồ dùng, vật dụng vệ sinh		84.240.000	9,09%	
	- Mua sắm, sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị; Chi phí khác		36.000.000	3,89%	
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp (5%)	Số thu x 5%	46.332.000	5,00%	
6	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	số HS	312		
	Mức thu	34=35/1	250.000		
	Tổng dự toán chi :	35	78.000.000	100,00%	
	- Mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú		74.100.000	95,00%	
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp (5%)	Số thu x 5%	3.900.000	5,00%	
7	Tiền dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng	số HS	312		
	Mức thu:	36=37/1	90.000		
	Tổng dự toán chi :	37	252.720.000	100,00%	
	- Lương + Đóng góp của nhân viên nuôi dưỡng	04 người x 9 tháng x (6.500.000đ - 2.480.000đ + Mức lương đóng BH x 23,5%)	240.084.000	95,00%	
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp 5%	Số thu x 5%	12.636.000	5,00%	
	- Khác (ghi cụ thể từng nội dung)				

STT	NỘI DUNG	Công thức	NĂM HỌC 2024-2025		GHI CHÚ
			Dự toán	Tỷ lệ (%)	
8	<u>Tiền suất ăn sáng</u>	<u>số HS</u>	<u>312</u>		
	<u>Mức thu:</u>	<u>38=39/1</u>	<u>11.500</u>		
	<u>Tổng dự toán chi :</u>	<u>39</u>	<u>710.424.000</u>	<u>100,00%</u>	
	- Chi trả tiền thực phẩm ăn sáng, gas		696.215.520	98,00%	
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2%	Số thu x 2%	14.208.480	2,00%	
9	<u>Tiền suất ăn bán trú</u>	<u>số HS</u>	<u>312</u>		
	<u>Mức thu:</u>	<u>40=41/1</u>	<u>35.000</u>		
	<u>Tổng dự toán chi :</u>	<u>41</u>	<u>2.162.160.000</u>	<u>100,00%</u>	
	- Chi trả tiền thực phẩm ăn trưa, xế; gas		2.118.916.800	98,00%	
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2%	Số thu x 2%	43.243.200	2,00%	
10	<u>Tiền nước uống</u>	<u>số HS</u>	<u>312</u>		
	<u>Mức thu:</u>	<u>42=43/1</u>	<u>15.000</u>		
	<u>Tổng dự toán chi :</u>	<u>43</u>	<u>42.120.000</u>	<u>100,00%</u>	
	- Chi trả tiền nước uống		41.698.800	99,00%	
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp 1%	Số thu x 1%	421.200	1,00%	
11	<u>Tiền học phẩm</u>	<u>số HS</u>	<u>312</u>		
	<u>Mức thu:</u>	<u>44=45/1</u>	<u>55.000</u>		
	<u>Tổng dự toán chi :</u>	<u>45</u>	<u>17.331.600</u>	<u>100,00%</u>	
	- Chi trả tiền học phẩm		17.160.000	99%	
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp 1%	Số thu x 1%	171.600	1%	
12	<u>Tiền học cụ, học liệu</u>	<u>số HS</u>	<u>312</u>		
	<u>Mức thu:</u>	<u>46=47/1</u>	<u>200.000</u>		
	<u>Tổng dự toán chi :</u>	<u>47</u>	<u>63.024.000</u>	<u>100,00%</u>	
	- Chi trả tiền học cụ, học liệu		62.400.000	99%	
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp 1%	Số thu x 1%	624.000	1%	

Người lập biểu



Đặng Trần Ngọc Vân

Ngày 10 tháng 10 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)



Đặng Cẩm Hương